TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ÂN THI** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Án số: 07/2023/HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 3 năm 2023
" *V/v ly hôn, nuôi con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI

- *Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Phạm Bá Hân**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Quang Chử** - CB nghỉ hưu

Bà **Dương Thị Thu Hồng** - HPN xã Cẩm Ninh

- *Thư ký phiên toà:* Ông Nguyễn Tuấn Anh - Thư ký toà án huyện Ân Thi

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi tham gia phiên toà*:

Ông Đỗ Văn Tú- Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ân Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 148/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2022 về việc ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 01/02/2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 07/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21/02/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn : chị Đặng Thị T, sinh năm 1992

- Bị đơn : anh Nguyễn Cảnh A, sinh năm 1990

- Người có quyền lợi liên quan

+ Cháu Nguyễn Cảnh Hoàng B, sinh năm 2011

+ Cháu Nguyễn Thị Anh C, sinh năm 2013

+ Cháu Nguyễn Cảnh P, sinh năm 2016

- Người đại diện cho các con chung: Chị Thúy

Đều Trú tại: Thôn L, xã U, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

(*Chị T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh A vắng mặt không có lý do)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai của chị Đặng Thị T trong quá trình tố tụng thể hiện: Chị và anh A xây dựng vợ chồng trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại

UBND xã U vào năm 2010. Quá trình chung sống với nhau, mấy năm gần đây vợ chồng sảy ra mâu thuẫn nên đầu năm 2022 anh chị đã ra tòa giải quyết ly hôn, sau đó hai bên gia đình khuyên giải và vì thương các con nên tháng 06/2022 chị và anh A lại đi đăng ký kết hôn lại.

Trước đây anh chị mâu thuẫn vì anh A có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, một phần cũng do anh A chơi bởi hay chửi bởi đánh đập chị nên chị mới ly hôn. Tuy nhiên sau đó chị nghĩ anh A thay đổi vì vậy chị mới quay lại, nhưng đến nay anh A vẫn chứng nào tật đấy, không thay đổi, anh A chung sống với người khác, chị và anh A cũng không ai quan tâm đến ai. Vợ chồng ly thân từ tháng 7/2022 đến nay. Nay chị xác định không thể tiếp tục cuộc sống với anh A được nữa. Do vậy đề nghị Tòa xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn anh A.

Về con chung, chị và anh A: anh chị có 03 con chung là Nguyễn Cảnh Hoàng B SN 2011, Nguyễn Thị Anh C SN 2013 và Nguyễn Cảnh P SN 2016. Vợ chồng ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả 03 con chung vì chị muốn các cháu được ở cùng nhau không phải tan đàn xẻ nghé, bản thân anh A như vậy không thể nuôi dạy con tốt được; Chị yêu cầu anh A cấp dưỡng tiến nuôi con chung cho chị 1.000.000đ/tháng cho mỗi cháu.

Về tài sản chung, công nợ chị T không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Cảnh A mặc dù đã được Toà án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án để tham gia tố tụng, cung cấp lời khai.

Lời khai của người làm chứng:

- Ông Nguyễn Cảnh Toan và bà Đỗ Thị Na- bố, mẹ đẻ của anh A cho biết: anh A và chị T kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã U. Quá trình chung sống anh A và chị T cũng trục trặc nhiều lần chứ không phải đây là lần đầu. Trước đây chị T và anh A đã ly hôn một lần nhưng sau đó lại đi đăng ký kết hôn lại. Quá trình chung sống thì vợ chồng không đánh cãi chửi nhau gì. Nay anh chị ấy lại ly hôn thì gia đình không khuyên được nên kệ anh chị tự quyết, ông bà không can thiệp.

- Các cháu Nguyễn Cảnh Hoàng B, Nguyễn Thị Anh C và Nguyễn Cảnh P cho biết: các cháu thấy bố mẹ hay cãi nhau còn lý do thì các cháu không biết. Nay bố mẹ ly hôn các cháu đều có nguyện vọng được ở cùng mẹ.

- Xác minh tại UBND xã U cung cấp: anh A, chị T kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã lần đầu vào năm 2010. Quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn nên tháng 01/2022 thì vợ chồng thuận tình ly hôn. Tuy nhiên ly hôn một thời gian thì hai vợ chồng lại quay lại với nhau và đăng ký kết hôn lại tại xã ngày 28/6/2022. Quá trình chung sống vợ chồng không cải thiện tình cảm, nay chị T lại có đơn yêu cầu toà án giải quyết ly hôn. Về con chung: chị T và anh A có 3 con chung là Nguyễn Cảnh Hoàng B SN 2011, Nguyễn Thị Anh C SN 2013 và Nguyễn Cảnh P SN 2016, hiện các cháu ở cùng chị T. Về tài sản chung: UBND xã không nắm được. Chị T có đơn yêu cầu ly hôn, quan điểm của UBND xã đề nghị toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên quan điểm đã cung cấp, anh A vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán:

Thẩm phán đã cơ bản chấp hành dùng các quy định tại Điều 48 BLTTDS trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án.

Tuy nhiên: Chưa xác minh làm rõ anh A còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã U hay không, có làm thủ tục tạm vắng, chuyển khẩu đi nơi khác hay không là thiếu sót. Vi phạm khoản 2, 3 Điều 48 BLTTDS.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành lập hồ sơ cơ bản đầy đủ, triệu tập, thông báo đầy đủ các quyết định tố tụng cho đương sự; Tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hóa giải nhưng không thành; Tiến hành lấy lời khai của nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng. Xác minh quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng, con chung, tài sản chung của vợ chồng chị T tại UBND xã U, huyện Ân Thi.

Tuy nhiên còn có một số thiếu sót nêu trên. Ngày 10/02/2023, Viện KSND huyện đã ban hành yêu cầu số 01 để Toà án bổ sung chứng cứ. Đến nay, Toà án đã xác minh bổ sung. Xét thấy tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đầy đủ, khách quan, hợp pháp đảm bảo đủ căn cứ để giải quyết vụ án

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm

* Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

- Nguyên đơn. Đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS.

- Bị đơn: Đã được Toà án triệu tập hợp lệ để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, nhưng vắng mặt không có lý do, đã vi phạm khoản 15, 16 Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Người làm chứng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 73, 78 BLTTDS.

* Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các tỉnh tiết, tài liệu, chứng cử cỏ trong hồ sơ vụ án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326 về án phí, lệ phí, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

+ Về tình trạng hôn nhân: Vợ chồng chị T phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do tính tình không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày và do anh A có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, chị T và gia đình khuyên bảo, nhưng anh A không nghe còn chửi bởi đánh đập chị T, mâu thuẫn kéo dài không

được giải quyết, dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, vợ chồng đã từng ly hôn, sau đó lại kết hôn lại để các con có cuộc sống đầy đủ cả bố và mẹ, nhưng anh A không thay đổi cách sống. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, Tòa án đã nhiều lần hòa giải nhưng chị T cương quyết xin ly hôn, còn anh A vắng mặt không lý do. Điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh A đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy có đủ căn cứ để xử cho chị T ly hôn anh A.

+ Về con chung: Có 03 con chung là các cháu Nguyễn Cảnh Hoàng B, sinh ngày 29/8/2011; Nguyễn Thị Anh C, sinh ngày 31/3/2013, Nguyễn Cảnh P, sinh ngày 19/6/2016. Hiện cả 03 cháu đều đang ở với mẹ. Cháu Anh có nguyện vọng ở với bố và ông bà nội, cháu C có nguyện vọng ở với mẹ. Chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 03 con chung và yêu cầu anh A phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị số tiền 1.000.000 đồng/tháng/cháu.

Xét thấy đây là nguyện vọng chính đáng của các đương sự, thể hiện trách nhiệm của các bậc làm cha, làm mẹ, quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con cái là như nhau. Tuy nhiên trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ việc anh A biết việc chị T khởi kiện ly hôn anh, nhưng anh không đến Tòa án để giải quyết và thể hiện quan điểm của mình về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án cũng như vấn đề con chung của vợ chồng, hơn nữa trách nhiệm đối với con cái trước tiên thuộc về cha, mẹ. Nếu cha, mẹ không có khả năng và điều kiện thì lúc đó mới xét đến trách nhiệm của ông, bà, chú, dì... hơn nữa các cháu còn nhỏ tuổi, rất cần sự quan tâm, chăm sóc, chỉ bảo của người mẹ. Nên giao các con chung cho chị T nuôi dưỡng, anh A có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi các con chung cho chị T theo quy định của pháp luật. Anh A có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Sau này anh A có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, tài sản, công nợ chung Toà án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

+ Về tài sản chung, công sức, công nợ chung: Không đề nghị giải quyết.

+ Chị T phải chịu án phí ly hôn, anh A phải chịu án phi cấp dưỡng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi đã nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị Đặng Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Nguyễn Cảnh A và yêu cầu giải quyết vấn đề con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Bị đơn là anh Nguyễn Cảnh A có hộ khẩu thường trú tại: thôn L, xã U, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên, nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Về việc kết hôn: chị T và anh A xây dựng vợ chồng trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã U, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên đảm bảo các điều kiện về kết hôn. Do vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Khi một bên có yêu cầu ly hôn sẽ áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết.

[2.2] Về mâu thuẫn vợ chồng: Quá trình giải quyết vụ án, chị T cũng như người làm chứng đều thừa nhận vợ chồng chị T, anh A có mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng được chị T xác định là do anh A có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, một phần cũng do anh A chơi bởi hay chửi bởi đánh đập chị nên chị mới ly hôn. Kết hôn lại anh A không thay đổi, anh A chung sống với người khác, chị và anh A cũng không ai quan tâm đến ai. Vợ chồng ly thân từ tháng 7/2022 đến nay.

Xét mâu thuẫn vợ chồng Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh A và chị T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn chung sống cùng nhau. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp với thực tế cuộc sống vợ chồng và phù hợp với pháp luật.

[3]Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Cảnh Hoàng B sinh năm 2011, Nguyễn Thị Anh C sinh năm 2013 và Nguyễn Cảnh P sinh năm 2016. Vợ chồng ly hôn, chị T đề nghị nhận nuôi cả ba con chung vì không muốn các cháu tan đàn xẻ nghé, anh A hay đi vắng không quan tâm con, một mình chị đang nuôi dưỡng các con, chị yêu cầu anh A cấp dưỡng tiền nuôi chung cho chị 1.000.000đ/tháng cho mỗi cháu. Nguyện vọng của chị là chính đáng thể hiện được trách nhiệm của người làm mẹ, các cháu C, P cũng mong muốn được ở với mẹ và ở cùng nhau, cháu Hoàng B mong muốn ở cùng bố và ông bà nội tuy nhiên trách nhiệm chăm sóc nuôi dưỡng là trách nhiệm của cha, mẹ cháu chứ không phải của ông bà cháu, mặt khác anh A hay vắng nhà không đảm bảo trách nhiệm chăm lo cho con. Do vậy sẽ giao con chung là các cháu B, C và P cho chị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng là phù hợp. anh A phải cấp dưỡng nuôi con chung 1000.000đ/tháng cho mỗi cháu.

[4] Về tài sản chung, công nợ và công sức: chị T không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Nếu sau này các đương sự có yêu cầu giải quyết về con chung và tài sản chung sẽ xem xét giải quyết trong vụ án khác.

[5] Về án phí: chị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh A phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 228, 238, Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị T, xử cho chị T được ly hôn anh Nguyễn Cảnh A.

2. Về con chung: Giao cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng các con chung là Nguyễn Cảnh Hoàng B sinh năm 2011, Nguyễn Thị Anh C sinh năm 2013 và Nguyễn Cảnh P sinh năm 2016. Anh A có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị T số tiền 1.000.000đ/tháng cho mỗi con chung, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 03/2023 đến khi cháu B, C và P đến tuổi thành niên.

Áp dụng khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự, kể từ ngày chị T có đơn đề nghị Thi hành án nếu anh A không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nói trên thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, anh A có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không xem xét, giải quyết.

Nếu sau này các đương sự có yêu cầu giải quyết về con chung và tài sản chung sẽ xem xét giải quyết trong vụ án khác.

4. Về án phí: chị T phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm dân sự ly hôn (được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003057 ngày 04/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ân Thi). Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn. Anh A phải nộp số tiền 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Phạm Bá Hân

Nơi nhận
- *Các đương sự;*
- *VKS huyện Ân Thi;*
- *UBND xã U;*
- *Chi cục THADS huyện Ân Thi*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*